

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong ngành Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông, bao gồm: nội dung, hình thức tổ chức thi đua; tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng các danh hiệu thi đua; tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với những cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có các hoạt động liên quan đến ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tập thể cấp trên cơ sở: các cơ quan, đơn vị có nhiều đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân, hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Tập thể cấp cơ sở:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ); Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị thành viên thuộc các tập thể cấp trên cơ sở;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có tư cách pháp nhân.

3. Tập thể cấp dưới cơ sở: là đơn vị cấp dưới trực tiếp của đơn vị cơ sở.

4. Tập thể khác: là những đơn vị, tổ chức cấp dưới của đơn vị dưới cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6; khoản 1, Điều 10 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 3 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tự nguyện, dân chủ, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; cá nhân, tập thể không đăng ký thi đua sẽ không được xét tặng các danh hiệu thi đua.

3. Không xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

4. Thời gian công tác:

a) Đối với cá nhân: đã được bổ nhiệm vào các chức danh công chức, viên chức nhà nước; người lao động đã được Thủ trưởng đơn vị cơ sở ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên; các đối tượng trên phải có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng;

Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người phục vụ chiến đấu do bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế, thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu thi đua;

Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua;

Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác;

Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

b) Đối với tập thể: phải có thời gian chính thức hoạt động từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6; khoản 2, Điều 10 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 4 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ; Điều 1, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng và chính xác.

2. Khen thưởng căn cứ vào thành tích và tiêu chuẩn, đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Thành tích đạt được nhiều, phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc đạt được trong điều kiện khó khăn thì được xem xét, khen thưởng ở mức hạng cao; không nhất thiết phải theo trình tự có hình thức khen thưởng ở mức thấp rồi mới khen ở mức cao và mức khen lần sau phải cao hơn mức khen lần trước.

3. Chú trọng khen thưởng các đối tượng là cá nhân, tập thể nhỏ, thành tích thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong từng thời kỳ; đặc biệt quan tâm khen thưởng đến các đối tượng là công nhân, người lao động trực tiếp sản xuất và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

4. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

5. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

6. Thời gian để tính khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ ngày có quyết định khen thưởng lần trước.

7. Đối với cá nhân, trong một năm chỉ được đề nghị khen thưởng một danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, trừ trường hợp khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cấp tỉnh quản lý khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề, lĩnh vực hoặc về thành tích xuất sắc đột xuất.

9. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thành tích chuyên đề được tính là yếu tố gia tăng khi xét khen thưởng thành tích toàn diện hàng năm, thành tích giai đoạn.

10. Một hình thức khen thưởng có thể được tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đã đạt được.

11. Khen thưởng tinh thần đi đôi với khen thưởng vật chất.

12. Khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp đó quyết định theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

13. Không thưởng tiền, chỉ tặng tặng phẩm kỷ niệm tương ứng với mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu và hình thức khen cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp và cấp ủy Đảng cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Triển khai công tác thi đua, khen thưởng:

a) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng và bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng;

b) Ban hành và kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung, mục tiêu thi đua;

d) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

đ) Phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến: Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng của Chính phủ; Thông tư và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng của Bộ; các phong trào thi đua do Bộ và các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông phát động. Kịp thời tuyên truyền nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

e) Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Vụ Thi đua - Khen thưởng về kết quả hoạt động, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các trường hợp được đề nghị khen thưởng để phục vụ việc thẩm định thành tích và xét khen thưởng chính xác.

Điều 7. Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) các cấp:

a) Hội đồng là cơ quan tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập từ cấp đơn vị cơ sở trở lên, do Thủ trưởng đơn vị cùng cấp ra quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc và mối quan hệ công tác với đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp;

b) Hội đồng cấp nào do Thủ trưởng cấp đó làm Chủ tịch, Chủ tịch Công đoàn làm Phó Chủ tịch, thủ trưởng đơn vị chuyên trách hoặc cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng làm Ủy viên Thường trực; các thành viên của Hội đồng gồm đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có) và cán bộ phụ trách một số lĩnh vực chủ yếu của đơn vị.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tham mưu cho Thủ trưởng phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
- Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị quyết định phong tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

a) Cấp Bộ: Vụ Thi đua - Khen thưởng là đơn vị chuyên trách và là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Nhiệm vụ của Vụ Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 2, Quyết định số 1456/QĐ-BTTTT ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Thi đua - Khen thưởng;

b) Cấp đơn vị trên cơ sở, đơn vị cơ sở: căn cứ cơ cấu tổ chức, yêu cầu, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng của từng đơn vị, Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định đơn vị chuyên trách là Phòng, Ban hoặc bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị. Đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp có nhiệm vụ: